

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	[5] - [6]
3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	[10] - [11]
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chọn lọc	[12] - [42]

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
- Ông Đỗ Trần Mai	Thành Viên
- Bà An Hà My	Thành Viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng ban Kiểm soát
- Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
- Bà Lê Thị Thoa	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	Số 59, đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

5. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sơn

Số: 84/2019/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Hàng sơn Đông Á**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Hàng sơn Đông Á được lập ngày 29 tháng 08 năm 2019, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chọn lọc cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hàng sơn Đông Á chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Xuân Hòa
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0909-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu số B 01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		213,582,030,056	211,429,776,194
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		53,391,899,302	95,853,999,012
1. Tiền	111	5.1	53,391,899,302	95,853,999,012
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89,618,283,006	72,231,707,236
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	49,629,256,938	41,625,455,483
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	5,723,329,303	5,541,316,455
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	35,716,521,470	26,248,629,585
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.8	(1,450,824,705)	(1,183,694,287)
III. Hàng tồn kho	140	5.5	59,427,861,861	40,425,875,589
1. Hàng tồn kho	141		59,427,861,861	40,425,875,589
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,143,985,887	2,918,194,357
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	10,556,194,166	2,915,639,856
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		587,791,721	1,580,476
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	-	974,025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95,156,549,604	87,498,641,634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		252,985,708	316,435,464
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	252,985,708	316,435,464
II. Tài sản cố định	220		89,048,449,774	76,154,080,676
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	79,760,014,691	65,887,900,882
- Nguyên giá	222		112,094,556,338	91,555,272,581
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32,334,541,647)	(25,667,371,699)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	2,916,447,075	3,822,919,442
- Nguyên giá	225		4,346,190,909	4,974,217,600
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,429,743,834)	(1,151,298,158)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	6,371,988,008	6,443,260,352
- Nguyên giá	228		6,765,326,300	6,765,326,300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(393,338,292)	(322,065,948)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3,402,233,684	2,872,569,048
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	3,402,233,684	2,872,569,048
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,452,880,438	8,155,556,446
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2,346,164,469	8,155,556,446
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		106,715,969	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		308,738,579,660	298,928,417,828

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		130.828.969.783	125.732.275.752
I. Nợ ngắn hạn	310		119.579.216.207	116.638.962.579
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	45.078.490.770	47.104.361.723
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	5.684.409.017	4.693.651.357
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	3.568.564.093	7.420.507.412
4. Phải trả người lao động	314		1.620.677.240	3.788.191.024
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	95.000.000	610.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	2.845.349.894	4.639.568.719
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	59.108.020.155	46.803.977.306
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.578.705.038	1.578.705.038
II. Nợ dài hạn	330		11.249.753.575	9.093.313.173
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	-	1.560.430.120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	10.677.838.673	7.532.883.053
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		571.914.902	-
I. Vốn chủ sở hữu	410		177.909.609.878	173.196.142.076
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(68.454.545)	(68.454.545)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		46.060.158.166	29.189.645.500
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		6.610.005.675	17.420.546.141
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28.265.041	28.264.842
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.581.740.633	17.392.281.299
5. Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	429		10.307.900.582	11.654.404.980
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		308.738.579.660	298.928.417.828

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 02a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	140.265.835.912	85.164.337.951
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	21.238.083.100	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		119.027.752.812	85.164.337.951
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	60.666.976.439	50.280.416.415
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.360.776.373	34.883.921.536
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	11.719.109	11.683.602
7. Chi phí tài chính	22	6.5	4.794.288.480	3.436.235.756
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.159.335.806	1.617.676.418
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết			-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	37.127.056.711	19.075.883.399
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	7.988.379.937	7.136.230.504
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.462.770.354	5.247.255.479
12. Thu nhập khác	31	6.6	527.634.497	-
13. Chi phí khác	32	6.7	187.922.089	-
14. Lợi nhuận khác	40		339.712.408	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.802.482.762	5.247.255.479
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	1.432.346.921	1.289.062.020
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		465.198.933	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6.904.936.908	3.958.193.459
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ	61		6.581.740.633	3.916.084.161
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát	62		323.196.274	42.109.298
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	572	341
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Hồng Thái

Hoàng Văn Tuấn

Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8,802,482,762	5,247,255,479
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7,161,308,252	4,164,708,015
- Các khoản dự phòng	03		267,130,418	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		90,069,111	(11,683,602)
- Chi phí lãi vay	06		2,159,335,806	1,617,676,418
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(5,268,772)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18,480,326,349	11,012,687,538
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18,270,027,064)	(14,455,106,196)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19,001,986,272)	(1,352,792,509)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10,538,544,340)	(13,133,211,083)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,831,162,334)	(1,485,996,384)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2,159,335,806)	(1,617,676,418)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,190,132,255)	(1,400,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(36,510,861,722)	(22,432,095,052)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21,423,065,889)	(18,759,927,255)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		735,935,683	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(250,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11,719,109	11,683,602
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20,675,411,097)	(18,998,243,653)

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	5.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		88.673.190.182	60.174.181.195
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(72.282.395.734)	(50.842.109.731)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(941.795.979)	(1.096.741.782)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(724.825.360)	(13.695.231.511)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.724.173.109	(459.901.829)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(42.462.099.710)	(41.890.240.534)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		95.853.999.012	76.059.073.951
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		53.391.899.302	34.168.833.417

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Người lập

Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a-DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh các loại sơn, bột bả.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phụ vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a-DN/HN

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con:

Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1101814871 cấp ngày 07/03/2016 là 55.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn ./.)

Trụ sở tại Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 cấp ngày 08/01/2018 là 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn ./.)

Trụ sở tại số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại các công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>		<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	
	Trên đăng ký kinh doanh	Thực góp	Trên đăng ký kinh doanh	Thực góp
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	81,82%	81,82%	81,82%	81,82%
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	90%	100%	90%	100%

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hãng Sơn Đông Á được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á (công ty mẹ), Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG (công ty con) và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a-DN/HN

tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Kết quả kinh doanh hợp nhất được tổng hợp từ kết quả kinh doanh của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 và kết quả kinh doanh của các Công ty con - Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG và Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 sau khi điều chỉnh các giao dịch nội bộ giữa công ty mẹ - công ty con và các công ty con với nhau.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con..

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a-DN/HN

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 20 năm
Máy móc thiết bị	06 - 10 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a-DN/HN

Phương tiện vận tải 06 - 10 năm

Thiết bị dụng cụ quản lý 03 - 08 năm

4.5.2. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm 05 năm

4.5.3. Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí quảng cáo, chi phí đồng phục, chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a-DN/HN

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí duy trì và phát triển nhãn hiệu. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a-DN/HN

4.18. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.6.

4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh các loại sơn, bột bả, keo chống thấm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	30/06/2019		01/01/2019	
Tiền mặt	9,499,772,905		13,121,079,236	
Tiền gửi ngân hàng	39,745,380,397		82,192,943,676	
Tiền đang chuyển	4,146,746,000		539,976,100	
Cộng	53,391,899,302		95,853,999,012	
5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	30/06/2019		01/01/2019	
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	49,629,256,938		41,625,455,483	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	49,629,256,938		41,625,455,483	
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-		-	
5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	30/06/2019		01/01/2019	
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	5,723,329,303		5,541,316,455	
- Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	330,000,000		750,000,000	
- Công ty Cổ phần Eco Green Life Việt Nam	436,004,700		436,004,700	
- Đỗ Bích Ngọc	1,226,600,000		1,011,000,000	
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	3,730,724,603		3,344,311,755	
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-		-	
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-		-	
5.4 . PHẢI THU KHÁC	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	35,716,521,470	-	26,248,629,585	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	3,000,000	-	3,000,000	-
- Tạm ứng	16,218,709,728	-	18,000,974,058	-
- Phải thu khác	19,494,811,742	-	8,244,655,527	-
b) Dài hạn	252,985,708	-	316,435,464	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	183,200,000	-	210,200,000	-
- Phải thu khác	69,785,708	-	106,235,464	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan	-	-	-	-
5.5 . HÀNG TỒN KHO	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	23,994,866,208	-	18,746,697,124	-
Công cụ, dụng cụ	1,549,713,352	-	1,013,400,373	-
Chi phí SXKD dở dang	7,204,201,126	-	5,479,818,978	-
Thành phẩm nhập kho	16,627,748,414	-	8,504,696,815	-
Hàng hóa	10,051,332,761	-	6,626,813,577	-
Hàng gửi bán	-	-	54,448,722	-
Cộng	59,427,861,861	-	40,425,875,589	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

5.6 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	3,402,233,684	2,872,569,048
+ Mua sắm TSCĐ	816,260,102	286,595,466
+ Xây dựng cơ bản khác	2,585,973,582	2,585,973,582
Cộng	3,402,233,684	2,872,569,048

5.7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	10,556,194,166	2,915,639,856
- Chi phí quảng cáo	842,967,111	702,822,472
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4,659,718,496	199,086,557
- Các khoản khác	5,053,508,559	2,013,730,827
b) Dài hạn	2,346,164,469	8,155,556,446
- Chi phí quảng cáo	1,061,099,369	6,276,008,368
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	41,835,225	109,056,734
- Chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa	590,909,089	727,272,725
- Chi phí dài hạn khác	652,320,786	1,043,218,619
Cộng	12,902,358,635	11,071,196,302

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

5.8 . NỢ XẤU

Đơn vị : VND

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Các khoản phải thu ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Á Châu G8	192,880,615	-	(192,880,615)	192,880,615	-	(192,880,615)
Các công ty khác	1,881,248,399	623,304,309	(1,257,944,090)	990,813,672	-	(990,813,672)
Cộng	2,074,129,014	623,304,309	(1,450,824,705)	1,183,694,287	-	(1,183,694,287)

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

5.9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	25,893,569,909	43,104,532,293	22,293,979,469	231,490,910	31,700,000	91,555,272,581
Tăng trong kỳ	76,909,091	10,467,588,531	10,348,903,635			20,893,401,257
- Mua trong kỳ	76,909,091	10,467,588,531	10,348,903,635			20,893,401,257
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính						
- Tăng khác						
Giảm trong kỳ		(354,117,500)				(354,117,500)
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		(354,117,500)				(354,117,500)
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	25,970,479,000	53,218,003,324	32,642,883,104	231,490,910	31,700,000	112,094,556,338
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4,413,705,592	12,175,682,648	8,943,205,810	117,738,890	17,038,759	25,667,371,699
Tăng trong kỳ	351,112,836	4,379,084,784	1,945,870,894	21,654,546	3,962,500	6,701,685,560
- Số khấu hao trong kỳ	351,112,836	4,379,084,784	1,945,870,894	21,654,546	3,962,500	6,701,685,560
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính						
- Tăng khác						
Giảm trong kỳ		(34,515,612)				(34,515,612)
- Thanh lý, nhượng bán		(34,515,612)				(34,515,612)
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	4,764,818,428	16,520,251,820	10,889,076,704	139,393,436	21,001,259	32,334,541,647
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	21,479,864,317	30,928,849,645	13,350,773,659	113,752,020	14,661,241	65,887,900,882
2. Tại ngày cuối kỳ	21,205,660,572	36,697,751,504	21,753,806,400	92,097,474	10,698,741	79,760,014,691

• Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 38,790,667,051 VND

• Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14,523,479,193 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm			4,974,217,600		4,974,217,600
Tăng trong kỳ					
- Thuê tài chính trong kỳ					
Giảm trong kỳ			(628,026,691)		(628,026,691)
- Thanh lý, nhượng bán			(628,026,691)		(628,026,691)
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ			4,346,190,909		4,346,190,909
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm			1,151,298,158		1,151,298,158
Tăng trong kỳ			388,350,348		388,350,348
- Số khấu hao trong kỳ			388,350,348		388,350,348
- Tăng khác					
Giảm trong kỳ			(109,904,672)		(109,904,672)
- Thanh lý, nhượng bán			(109,904,672)		(109,904,672)
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ			1,429,743,834		1,429,743,834
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm			3,822,919,442		3,822,919,442
2. Tại ngày cuối kỳ			2,916,447,075		2,916,447,075

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

5.11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6,725,114,300	-	40,212,000	-	6,765,326,300
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6,725,114,300	-	40,212,000	-	6,765,326,300
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	302,630,148	-	19,435,800	-	322,065,948
Tăng trong kỳ	67,251,144	-	4,021,200	-	71,272,344
- Số khấu hao trong kỳ	67,251,144	-	4,021,200	-	71,272,344
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	369,881,292	-	23,457,000	-	393,338,292
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	6,422,484,152	-	20,776,200	-	6,443,260,352
2. Tại ngày cuối kỳ	6,355,233,008	-	16,755,000	-	6,371,988,008

• Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 6,422,484,152 VND

• Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: - VND

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

5.12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	45,078,490,770	45,078,490,770	47,104,361,723	47,104,361,723
- Công ty TNHH Connell Bross	1,612,893,920	1,612,893,920	2,560,513,988	2,560,513,988
- Công ty TNHH Thương mại và Hóa chất HD	2,431,640,000	2,431,640,000	2,495,000,000	2,495,000,000
- Công ty TNHH Sản xuất TM Ngọc Sơn	12,218,520,649	12,218,520,649	10,141,461,169	10,141,461,169
- Công ty TNHH Mahachem Việt Nam	2,725,178,979	2,725,178,979	3,221,398,938	3,221,398,938
- Công ty TNHH ATH	2,152,346,002	2,152,346,002	1,245,141,635	1,245,141,635
- Phải trả cho các đối tượng khác	23,937,911,220	23,937,911,220	27,440,845,993	27,440,845,993
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	123,699,621	123,699,621	123,699,621	123,699,621
- Công ty TNHH TM Quảng Ngà	27,629,620	27,629,620	27,629,620	27,629,620
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàng Phát	38,000,000	38,000,000	38,000,000	38,000,000
- Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Yến	38,070,001	38,070,001	38,070,001	38,070,001
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

5.13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5,684,409,017	5,684,409,017	4,693,651,357	4,693,651,357
- Công ty CP TM & DV Hải Nam	2,341,380,764	2,341,380,764	649,464,105	649,464,105
- Đối tượng khác	3,343,028,253	3,343,028,253	4,693,651,357	4,693,651,357
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

5.14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ	30/06/2019
a) Phải nộp	7,420,507,412	24,841,998,776	28,693,942,095	3,568,564,093
- Thuế GTGT	4,047,998,133	22,985,466,955	25,286,218,187	1,747,246,901
- Thuế TNDN	2,914,166,737	1,432,346,921	3,190,132,255	1,156,381,403
- Thuế TNCN	458,342,542	424,184,900	217,591,653	664,935,789

	01/01/2019	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	30/06/2019
b) Phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	974,025	-	974,025	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	95,000,000	610,000,000
- Trích trước chi phí kiểm toán	95,000,000	190,000,000
- Các khoản trích trước khác		420,000,000
b) Dài hạn	-	-

5.16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	2,845,349,894	4,639,568,719
- Kinh phí công đoàn	197,546,613	201,748,543
- Bảo hiểm xã hội	806,842,750	716,777,026
- Bảo hiểm y tế	67,582,518	17,782,334
- Bảo hiểm thất nghiệp	26,012,841	11,043,326
- Phải trả, phải nộp khác	315,822,366	699,097,726
- Phải thu khác (dư Có)	267,276,805	1,147,066,997
- Nhận ký quỹ, ký cược	780,000,000	1,530,000,000
- Tạm ứng	384,266,001	316,052,767
b) Dài hạn	-	1,560,430,120
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1,560,430,120
- Phải trả, phải nộp khác	-	-
c) Phải trả khác là các bên liên quan	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

5.17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay	68,352,269,532	68,352,269,532	91,025,514,162	74,687,085,293	52,013,840,663	52,013,840,663
Ngắn hạn	58,143,000,155	58,143,000,155	84,600,164,162	72,154,761,313	45,697,597,306	45,697,597,306
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (1)	16,267,966,530	16,267,966,530	18,828,255,596	12,005,403,166	9,445,114,100	9,445,114,100
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (2)	3,833,533,499	3,833,533,499	4,833,533,499	3,106,142,062	2,106,142,062	2,106,142,062
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (3)	34,763,278,126	34,763,278,126	58,586,051,087	55,934,114,105	32,111,341,144	32,111,341,144
- Ngân hàng Public Việt Nam (4)	922,600,000	922,600,000	461,299,980	461,299,980	922,600,000	922,600,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (5)	2,245,618,000	2,245,618,000	1,836,018,000	592,800,000	1,002,400,000	1,002,400,000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank (6)	110,004,000	110,004,000	55,006,000	55,002,000	110,000,000	110,000,000
Dài hạn	10,209,269,377	10,209,269,377	6,425,350,000	2,532,323,980	6,316,243,357	6,316,243,357
- Ngân hàng Public Việt Nam (4)	2,636,983,377	2,636,983,377		461,299,980	3,098,283,357	3,098,283,357
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (5)	7,370,632,000	7,370,632,000	6,425,350,000	2,016,018,000	2,961,300,000	2,961,300,000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank (6)	201,654,000	201,654,000		55,006,000	256,660,000	256,660,000
Cộng	68,352,269,532	68,352,269,532	91,025,514,162	74,687,085,293	52,013,840,663	52,013,840,663

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

5.17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH*Đơn vị tính: VND***5.17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp)****b) Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019			Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê tài chính	Trả nợ gốc
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam (7)	977,551,997	88,121,597	889,430,400	2,179,931,972	236,674,068	1,943,257,904
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	<i>749,550,111</i>	<i>84,752,111</i>	<i>664,798,000</i>	<i>1,468,163,110</i>	<i>172,249,328</i>	<i>1,295,913,782</i>
<i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	<i>228,001,886</i>	<i>3,369,486</i>	<i>224,632,400</i>	<i>332,834,840</i>	<i>31,626,840</i>	<i>301,208,000</i>
Cộng	977,551,997	88,121,597	889,430,400	1,800,997,950	203,876,168	1,597,121,782

c) Giá trị các khoản thuê tài chính

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá đánh giá lại	Nợ gốc	Giá đánh giá lại	Nợ gốc
- Gốc nợ thuê tài chính	1,433,589,296	1,433,589,296	3,782,766,324	3,782,766,324
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	<i>965,020,000</i>	<i>965,020,000</i>	<i>1,106,380,000</i>	<i>1,106,380,000</i>
<i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	<i>468,569,296</i>	<i>468,569,296</i>	<i>2,676,386,324</i>	<i>2,676,386,324</i>
- Lãi thuê tài chính phải trả	132,722,987	132,722,987	225,738,585	225,738,585
	1,566,312,283	1,566,312,283	4,008,504,909	4,008,504,909

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

5.17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp)

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2018/4729252/HĐTD ngày 31 tháng 08 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, tổng hạn mức 27 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(2) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2012/0057 ngày 16/11/2012 và phụ lục hợp đồng ký ngày 22/04/2018 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng, hạn mức tín dụng là 4 tỷ đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(3) Hợp đồng tín dụng số 710/2018-HĐCVHM/NHCT131-SDA ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 25 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh sơn, bột bả, bột chét tường.

(4) Vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam Chi nhánh Hà Nội:

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000028/18, số cam kết nhận nợ 020-4-55-00-18007, từ ngày 07/03/2018 đến ngày 07/03/2023, hạn mức được phê duyệt 650.000.000 đồng, lãi suất 7,09%/năm, giải ngân 650.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson, có giá trị 820.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000025/18, số cam kết nhận nợ 020-1-55-00-18008, từ ngày 21/03/2018 đến ngày 21/03/2023, hạn mức được phê duyệt 813.000.000 đồng, lãi suất 7,09%/năm, giải ngân 813.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Santafe, có giá trị 1.030.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000059/18, số cam kết nhận nợ 020-5-55-00-18011, từ ngày 13/04/2018 đến ngày 13/04/2023, hạn mức được phê duyệt 680.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 680.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Mazda New CX5 20G AT 2WD, có giá trị 899.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000045/18, số cam kết nhận nợ 020-9-55-00-19012, từ ngày 26/04/2018 đến ngày 26/04/2023, hạn mức được phê duyệt 650.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 650.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson, có giá trị 820.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000046/18, số cam kết nhận nợ 020-9-55-00-18013, từ ngày 04/05/2018 đến ngày 04/05/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 400.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000063/18, số cam kết nhận nợ 020-6-55-00-18014, từ ngày 04/05/2018 đến ngày 04/05/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 400.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000064/18, số cam kết nhận nợ 020-1-55-00-19018, từ ngày 22/06/2018 đến ngày 22/06/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 400.000.000 đồng, cùng với các hợp đồng tín dụng số HAN/000046/18 và HAN/000063/2018 được thế chấp bởi 02 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Vios E CVT, có giá trị 1.040.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000105/18, số cam kết nhận nợ 020-7-55-00-18017, từ ngày 18/06/2018 đến ngày 18/06/2023, hạn mức được phê duyệt 620.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 620.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson 1,6T - GDI 2WD, có giá trị 882.000.000 đồng.

(5) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội:

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 340/2018-HĐCVĐAĐT/NHCT131-SDA ngày 09 tháng 02 năm 2018, hạn mức 1.228.000.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua sắm 02 xe ô tô tải (Pickup cabin kép) Nissan Navara và Ford Ranger WildTrak mới 100%, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên;

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

5.17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp)

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 481/2018-HĐCVDADT/NHCT131-SDA ngày 05/06/2018, hạn mức 1.205.600.000 đồng, lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 4 năm;
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 679/2018-HĐCVDADT/NHCT131-SDA ngày 26/09/2018, hạn mức 492.000.000 đồng, lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 4 năm;
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 727/2018-HĐCVDADT/NHCT131-SDA ngày 31/10/2018, hạn mức 526.400.000 đồng, lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 4 năm;
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 379/2018-HĐCVDADT/NHCT131-BCSG ngày 19 tháng 03 năm 2018 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức là 608.300.000 VND, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh hàng tháng, mục đích vay là đầu tư mua sắm 01 xe ô tô Mazda Cx5 phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty;
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 417/2018 - HĐCVDADT/NHCT131-BCSG ngày 12 tháng 04 năm 2018 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức là 629.300.000 VND, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh hàng tháng, mục đích vay: đầu tư mua sắm 01 xe ô tô Mazda Cx5 phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty;
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 221-03/2019 - HĐCVDADT/NHCT131-BCSG ngày 12 tháng 04 năm 2018 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức là 281.400.000 VND, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ, mục đích vay: đầu tư mua sắm 01 xe ô tô Hyundai phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty;
- Hợp đồng tín dụng số 162-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 18/04/2019 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, số tiền vay 2.240.000.000 VND, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất điều chỉnh, mục đích vay: đầu tư mua sắm 05 xe ô tô mới 100% phục vụ nhu cầu kinh doanh của công ty;
- Hợp đồng tín dụng số 229-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 28/05/2019 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, số tiền vay 840.000.000 VND, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất điều chỉnh, mục đích vay: mua 01 xe ô tô 7 chỗ, mới 100%, nhãn hiệu HUYNDAI, số hiệu SANTAFE, màu sơn trắng, dung tích 2.199 cm³ phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Hợp đồng tín dụng số 284-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 20/06/2019 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, số tiền vay 505.050.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay điều chỉnh, mục đích vay: mua 01 xe ô tô tải pick up cabin kép, mới 100%, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại TRITON, biển số 29H-247.14 phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Hợp đồng tín dụng số 276-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 20/06/2019 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, số tiền vay 455.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất điều chỉnh, mục đích vay: mua 01 xe ô tô con 5 chỗ hiệu Ford Ecosport, mới 100%, màu sơn trắng, dung tích 999 cm³, số khung SM7MKER83462, số máy M1JSKE83462, biển kiểm soát: 30F-749.11 phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
- (6) Hợp đồng tín dụng số LD1709700706 ngày 17/04/2017 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long An, số tiền vay 550.000.000 VND, thời hạn vay 5 năm, lãi suất vay 9,5% (trong 24 tháng đầu tiên), mục đích vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, tài sản đảm bảo là xe ô tô khách hiệu Ford thuộc sở hữu của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

5.17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp)

(7) Nợ thuê tài chính tại Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam:

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.075/2015/TSC-CTTC ngày 30 tháng 10 năm 2015 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 992.480.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;
- Hợp đồng thuê tài chính số 02.044/2016/TSC-CTTC ngày 29 tháng 07 năm 2016 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 645.680.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;
- Hợp đồng thuê tài chính số 02.002/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 790.000.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;
- Hợp đồng thuê tài chính số 02.027/2017/TSC-CTTC ngày 05 tháng 06 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 644.480.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;
- Hợp đồng thuê tài chính số 02.033/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 484.560.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;
- Hợp đồng thuê tài chính số 02.062/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 677.280.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;
- Hợp đồng thuê tài chính số 05/2018/CN.MN-CTTC ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với giá trị tài sản cho thuê là 1.495.840.000 đồng, thời hạn cho thuê là 48 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

5.18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	115,000,000,000	41,545,455	12,099,319,177	5,574,970,192	17,818,591,365	150,534,426,189
Tăng vốn năm trước	-			5,000,000,000		5,000,000,000
Lãi trong năm trước					17,392,281,099	17,392,281,099
Tăng khác			17,090,326,323	1,079,434,788		18,169,761,111
<i>Trích lập các quỹ</i>			17,090,326,323			17,090,326,323
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác		(110,000,000)			(17,790,326,323)	(17,900,326,323)
<i>Phân phối lợi nhuận</i>					(17,790,326,323)	(17,790,326,323)
<i>Giảm khác</i>		(110,000,000)				(110,000,000)
Số dư cuối năm trước	115,000,000,000	(68,454,545)	29,189,645,500	11,654,404,980	17,420,546,141	173,196,142,076
Tăng vốn trong kỳ này						-
Lãi trong kỳ này				323,196,274	6,581,740,633	6,904,936,908
Tăng khác			16,870,512,666	-		16,870,512,666
<i>Trích lập các quỹ</i>			16,870,512,666			16,870,512,666
Giảm vốn trong kỳ này						-
Giảm khác	-	-	-	(1,669,700,672)	(17,392,281,099)	(19,061,981,771)
<i>Phân phối lợi nhuận (*)</i>					(17,392,281,099)	(17,392,281,099)
<i>Giảm khác</i>				(1,669,700,672)		(1,669,700,672)
Số dư cuối kỳ	115,000,000,000	(68,454,545)	46,060,158,166	10,307,900,582	6,610,005,675	177,909,609,878

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

5.18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2019	01/01/2019
Vốn góp của Nhà nước			
Ông Mai Anh Tám	8.35%	9,603,270,000	9,603,270,000
Ông Nguyễn Quốc Quyền	5%	5,750,000,000	-
Vốn góp của các đối tượng khác	86.65%	99,646,730,000	105,396,730,000
Cộng	100%	115,000,000,000	115,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	115,000,000,000	115,000,000,000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>		
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>		
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	115,000,000,000	115,000,000,000

d1) Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 18 tháng 05 năm 2019 như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
- Chi trả thù lao HĐQT	521,768,433
- Trích quỹ đầu tư phát triển	16,870,512,666
Cộng	17,392,281,099

d) Cổ phiếu	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11,500,000	11,500,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,500,000	11,500,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11,500,000	11,500,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11,500,000	11,500,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11,500,000	11,500,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

e) Các quỹ của doanh nghiệp	30/06/2019	01/01/2019
- Quỹ đầu tư phát triển	46,060,158,166	29,189,645,500

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
a) Doanh thu	140,265,835,912	85,164,337,951
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh sơn	125,537,923,141	77,027,737,103
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh bột bả	6,592,494,288	4,775,989,304
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	8,135,418,483	3,076,476,544
- Doanh thu khác		284,135,000
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Chiết khấu thương mại	20,756,282,943	-
Hàng bán bị trả lại	481,800,157	-
Cộng	21,238,083,100	-
6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Giá vốn của hàng đã bán	60,666,976,439	50,280,416,415
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh sơn	54,296,943,913	45,476,625,430
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh bột bả	2,851,347,893	2,819,709,948
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	3,518,684,633	1,984,081,037
6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lãi tiền gửi, cho vay	11,719,109	11,683,602
Cộng	11,719,109	11,683,602
6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lãi tiền vay	2,159,335,806	1,617,676,418
Chiết khấu thanh toán	2,623,327,234	1,818,559,338
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11,625,440	-
Cộng	4,794,288,480	3,436,235,756
6.6 . THU NHẬP KHÁC	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản	34,515,612	-
- Thu nhập khác	493,118,885	-
Cộng	527,634,497	-
6.7 . CHI PHÍ KHÁC	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	136,303,832	-
- Các khoản bị phạt	38,646,108	-
- Các khoản khác	12,972,149	-
Cộng	187,922,089	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	7,988,379,937	7,136,230,504
Chi phí nhân công quản lý	4,775,202,039	3,654,749,583
Chi phí khấu hao tài sản cố định	899,212,380	610,520,664
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2,313,965,518	2,870,960,257
b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	38,262,376,175	19,075,883,399
Chi phí nhân viên	7,832,192,791	6,558,689,947
Chi phí quảng cáo	7,153,304,185	4,493,375,793
Chi phí bán hàng khác	23,276,879,199	8,023,817,659
6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77,484,045,348	39,553,714,076
Chi phí nhân công	17,391,335,238	10,176,534,561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,161,308,252	4,838,285,498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23,595,326,723	6,928,214,482
Chi phí bằng tiền khác	6,526,870,659	11,773,672,328
Cộng	132,158,886,220	73,270,420,945
6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Thuế TNDN hiện hành	1,432,346,921	1,289,062,020
+ Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	1,234,838,087	1,289,062,020
+ Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	-	-
+ Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	197,508,834	-
Cộng	1,432,346,921	1,289,062,020
6.11 LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:		
	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	6,581,740,633	3,916,084,161
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi		
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu		
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11,500,000	11,500,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	572	341
7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		
7 HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ		
8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC		
8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác		
8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính		
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất này.		

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

CHỈ TIÊU	Sản xuất và kinh doanh sơn	Sản xuất và kinh doanh bột bả	Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	TỔNG CỘNG
Doanh thu	125,537,923,141	6,592,494,288	8,135,418,483	140,265,835,912
Các khoản giảm trừ doanh thu	21,238,083,100			21,238,083,100
Giá vốn hàng bán	54,296,943,913	2,851,347,893	3,518,684,633	60,666,976,439
Lợi nhuận gộp	50,002,896,128	3,741,146,395	4,616,733,849	58,360,776,373
Tổng tài sản				308,738,579,660
Nợ phải trả				130,828,969,783
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các TS dài hạn khác)				20,893,401,257
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				10,586,004,359
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn				

Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

CHỈ TIÊU	Sản xuất và kinh doanh sơn	Sản xuất và kinh doanh bột bả	Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	TỔNG CỘNG
Doanh thu	77,027,737,103	4,775,989,304	3,360,611,544	85,164,337,951
Các khoản giảm trừ doanh thu				-
Giá vốn hàng bán	45,476,625,430	2,819,709,948	1,984,081,037	50,280,416,415
Lợi nhuận gộp	31,551,111,673	1,956,279,356	1,376,530,507	34,883,921,536
Tổng tài sản				249,206,460,730
Nợ phải trả				90,990,939,486
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các TS dài hạn khác)				18,624,976,255
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				7,589,404,122
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn				

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường trong nước tại miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

CHỈ TIÊU	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	TỔNG CỘNG
Doanh thu	94,272,381,457	14,580,776,153	31,412,678,302	140,265,835,912
Các khoản giảm trừ doanh thu	21,238,083,100	-		21,238,083,100
Giá vốn hàng bán	37,496,093,598	8,944,750,155	14,226,132,686	60,666,976,439
Lợi nhuận gộp	35,538,204,759	5,636,025,998	17,186,545,616	58,360,776,373

Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

CHỈ TIÊU	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	TỔNG CỘNG
Doanh thu	62,582,322,292	4,756,518,748	17,825,496,911	85,164,337,951
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	36,948,155,775	2,808,214,672	10,524,045,969	50,280,416,416
Lợi nhuận gộp	25,634,166,517	1,948,304,076	7,301,450,942	34,883,921,535

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ

8.5 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

8.5 . Công cụ tài chính (tiếp)

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	53,391,899,302		53,391,899,302
Phải thu khách hàng	49,629,256,938	-	49,629,256,938
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	35,716,521,470	252,985,708	35,969,507,178
Trừ:	(1,450,824,705)	-	(1,450,824,705)
Dự phòng phải thu khó đòi	(1,450,824,705)	-	(1,450,824,705)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	140,188,502,415	252,985,708	140,441,488,123
Các khoản vay và nợ	59,108,020,155	10,677,838,673	69,785,858,828
Phải trả người bán	45,078,490,770		45,078,490,770
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2,940,349,894	-	2,940,349,894
Tổng cộng	107,126,860,819	10,677,838,673	117,804,699,492
Chênh lệch thanh khoản thuần	33,061,641,596	(10,424,852,965)	22,636,788,631
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	95,853,999,012		95,853,999,012
Phải thu khách hàng	41,625,455,483	-	41,625,455,483
Phải thu về cho vay	-	-	-
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	26,248,629,585	316,435,464	26,565,065,049
Trừ:	(1,183,694,287)	-	(1,183,694,287)
Dự phòng phải thu khó đòi	(1,183,694,287)	-	(1,183,694,287)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	164,911,778,367	316,435,464	165,228,213,831
Các khoản vay và nợ	46,803,977,306	7,532,883,053	54,336,860,359
Phải trả người bán	47,104,361,723	-	47,104,361,723
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	5,249,568,719	1,560,430,120	6,809,998,839
Tổng cộng	99,157,907,748	9,093,313,173	108,251,220,921
Chênh lệch thanh khoản thuần	65,753,870,619	(8,776,877,709)	56,976,992,910

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ được tính bằng giá gốc trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2019	01/01/2019	30/06/2019	01/01/2019
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	83,894,953,703	66,690,390,781	83,894,953,703	66,690,390,781
Tài sản tài chính khác				
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	53,391,899,302	95,853,999,012	53,391,899,302	95,853,999,012
Tổng cộng	137,286,853,005	162,544,389,793	137,286,853,005	162,544,389,793
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	69,785,858,828	54,336,860,359	69,785,858,828	54,336,860,359
Phải trả người bán	45,078,490,770	47,104,361,723	45,078,490,770	47,104,361,723
Phải trả khác	2,845,349,894	6,199,998,839	2,845,349,894	6,199,998,839
Tổng cộng	117,709,699,492	107,641,220,921	117,709,699,492	107,641,220,921

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(*): Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

8.6 . Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan****b) Thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	442.500.000
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng giám đốc	245.000.000
Bà Phạm Thị Kim Liên	Phó Giám đốc - Công ty con	266.100.000
Tổng cộng		687.500.000

8.7 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

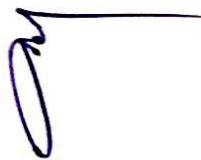
8.8 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.9 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn